|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ CÔNG THƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**BẢN ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, VIỆC PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP, VIỆC ỨNG DỤNG, THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ, BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI, VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Công Thương đã tiến hành đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý ngoại thương. Kết quả như sau:

1. **TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ**
2. **Bối cảnh xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật**

Những năm gần đây, thương mại toàn cầu tiếp tục phát triển với tốc chậm lại khi tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến nhanh, mạnh, phức tạp, khó lường với nhiều yếu tố rủi ro, bất định. Xung đột chính trị và quân sự tiếp tục diễn biến phức tạp và lan rộng như xung đột Nga - Ukraine, xung đột tại Trung Đông, Israel - Iran, Israel và lực lượng Hezbollah, Pakistan - Ấn Độ, căng thẳng tại Biển Đỏ. Cùng với đó là xu hướng bảo hộ thương mại diễn ra ngày càng mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Thế giới chứng kiến sự bùng nổ của các chính sách bảo hộ thương mại, xung đột thương mại giữa các nền kinh tế lớn, chính sách thuế đối ứng của Hoa Kỳ với hầu hết các quốc gia trên thế giới. Việt Nam là nền kinh tế có độ mở lớn, tuy nhiên, khả năng cạnh tranh và sức chống chịu trước các cú sốc từ bên ngoài còn hạn chế. Do đó, xuất nhập khẩu của Việt Nam đang và dự kiến sẽ chịu tác động mạnh mẽ từ các thay đổi chính sách thương mại của các nền kinh tế lớn.

Trong bối cảnh đó, thời gian vừa qua, Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách, yêu cầu công tác xây dựng và thi hành pháp luật phải được đổi mới căn bản, tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển bền vững của đất nước, bảo vệ nền kinh tế, doanh nghiệp trong bối cảnh mới, phù hợp với cam kết quốc tế.

Ngày 30 tháng 4 năm 2025, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Trong đó, đặt ra mục tiêu đến năm 2030, Việt Nam có hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, khả thi với cơ chế tổ chức thực hiện nghiêm minh, nhất quán, bảo đảm cơ sở pháp lý cho hoạt động bình thường, liên tục, thông suốt của các cơ quan sau sắp xếp tổ chức bộ máy, tháo gỡ vướng mắc phát sinh từ thực tiễn, mở đường cho kiến tạo phát triển, huy động mọi người dân và doanh nghiệp tham gia vào phát triển kinh tế - xã hội để đến năm 2030, Việt Nam là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao. Năm 2025, cơ bản hoàn thành việc tháo gỡ những "điểm nghẽn" do quy định pháp luật. Năm 2027, hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản pháp luật bảo đảm cơ sở pháp lý đồng bộ cho hoạt động của bộ máy nhà nước theo mô hình chính quyền 3 cấp. Năm 2028, hoàn thiện hệ thống pháp luật về đầu tư, kinh doanh, góp phần đưa môi trường đầu tư của Việt Nam nằm trong nhóm 3 nước dẫn đầu ASEAN.

Trên tinh thần thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Nghị quyết 66/NQ-TW, một trong những nhiệm vụ quan trọng, đặt nền móng cho công tác quản lý Nhà nước về xuất nhập khẩu của Bộ Công Thương là hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý ngoại thương để đảm bảo đồng bộ, thống nhất với các cam kết quốc tế, phù hợp với các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và đảm bảo lợi ích của nền kinh tế trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế; tháo gỡ những điểm «nghẽn» trong quy định pháp luật ngoại thương, duy trì môi trường kinh doanh thuận lợi, tạo điều kiện thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu phát triển bền vững.

Luật Quản lý ngoại thương có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. Ngày 15 tháng 5 năm 2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 69/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương (sau đây gọi là Nghị định 69). Nghị định 69 được đánh giá là văn bản pháp lý xương sống, quy định chi tiết về các biện pháp quản lý ngoại thương tại Luật Quản lý ngoại thương, đảm bảo cán cân thương mại, kiểm soát nhập siêu, bảo vệ sản xuất, người tiêu dùng, tạo hành lang pháp lý hướng dẫn doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực thương mại quốc tế. Tuy nhiên, qua 07 năm thi hành, với những thay đổi của tình hình thực tiễn, cũng như của hệ thống pháp luật chuyên ngành trong thời gian qua, một số quy định hiện hành tại Nghị định số 69 đã phát sinh một số vướng mắc, bất cập, cần được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

**2.** **Mục đích, yêu cầu đánh giá**

Bộ Công Thương tiến hành đánh giá các thủ tục hành chính nêu trên nhằm:

(1) Làm rõ sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp của thủ tục hành chính;

(2) Phân tích chi phí mà tổ chức phải bỏ ra khi thực hiện dự kiến ban hành;

(3) Làm rõ việc lựa chọn xây dựng các thủ tục hành chính nêu trên là lựa chọn phương án, giải pháp tối ưu đáp ứng mục tiêu quản lý.

1. **KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ**
2. **Đánh giá thủ tục hành chính**

***a) Số lượng thủ tục hành chính***

Dự thảo Nghị định quy định 27 thủ tục hành chính. Trong đó:

***(i) Thủ tục hành chính dự kiến ban hành mới: 13 TTHC***

1. Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm xuất, tái nhập; Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu
2. Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm xuất, tái nhập; Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu
3. Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất
4. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất
5. Thủ tục cấp lại Mã số kinh doanh tạm nhập tái xuất
6. Thủ tục thu hồi Mã số kinh doanh tạm nhập tái xuất theo đề nghị của doanh nghiệp
7. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép quá cảnh hàng hóa
8. Thủ tục cấp lại Giấy phép quá cảnh hàng hóa
9. Thủ tục cấp giấy phép gia công hàng hóa
10. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép gia công hàng hóa
11. Thủ tục cấp lại Giấy phép gia công hàng hóa.
12. Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất, gia công quân phục cho lực lượng vũ trang nước ngoài và Giấy phép nhập khẩu mẫu quân phục.
13. Thủ tục cấp lại Giấy phép sản xuất, gia công quân phục cho lực lượng vũ trang nước ngoài và Giấy phép nhập khẩu mẫu quân phục.

***(ii) Thủ tục hành chính hiện hành được sửa đổi, bổ sung: 14 TTHC***

1. Thủ tục cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu nhằm phục vụ mục đích đặc dụng, bảo hành, phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, bảo vệ quốc phòng, an ninh quy định, trừ vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt theo pháp luật về công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp. (mã TTHC: 1.013770)
2. Thủ tục cho phép xuất khẩu hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu; cho phép nhập khẩu hàng hóa tạm ngừng nhập khẩu nhằm phục vụ mục đích đặc dụng, bảo hành, phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, bảo vệ quốc phòng, an ninh (mã TTHC: 2.001282)
3. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu (mã TTHC:1.001238)
4. Thủ tục chấp thuận hàng hóa, dịch vụ thuộc diện cấm xuất khẩu được tham gia hội chợ, triển lãm thương mại ở nước ngoài (mã TTHC:1.013772)
5. Thủ tục chấp thuận việc bán, tặng hàng hóa thuộc diện cấm xuất khẩu nhưng đã được tạm xuất khẩu đi tham gia hội chợ, triển lãm thương mại ở nước ngoài (mã TTHC:1.013773)
6. Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập tái xuất (mã TTHC:1.001062)
7. Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập tái xuất theo hình thức khác
(mã TTHC:1.000957)
8. Thủ tục cấp Giấy phép tạm xuất tái nhập (mã TTHC:1.000905)
9. Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu (mã TTHC:1.000890)
10. Thủ tục cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa là vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ (mã TTHC:1.000522)
11. Thủ tục cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định pháp luật (mã TTHC:1.000477)
12. Thủ tục gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh (mã TTHC:1.013778)
13. Thủ tục cấp Giấy phép sản xuất, gia công quân phục cho các lực lượng vũ trang nước ngoài (mã TTHC: 2.001192)
14. Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu mẫu quân phục để nghiên cứu, sản xuất, gia công xuất khẩu (mã TTHC: 2.001315)

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

***(iii) Thủ tục hành chính hiện hành được giữ nguyên: 0***

***(iv) Thủ tục hành chính hiện hành được bãi bỏ: 14 TTHC***

1. Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu các mặt hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh (nhưng không phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh) (mã TTHC: 1.003438)
2. Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu (mã TTHC: 1.001104)
3. Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm xuất, tái nhập; Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu (mã TTHC: 1.004191)
4. Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh (mã TTHC: 1.004155)
5. Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt (mã TTHC: 1.004181)
6. Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng (mã TTHC: 2.001758)
7. Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất (mã TTHC: 1.000551)
8. Thủ tục sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy phép quá cảnh hàng hóa (mã TTHC: 1.000421)
9. Thủ tục cấp giấy phép thương nhân thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài (mã TTHC: 1.013771)
10. Cho phép gia công hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài (mã TTHC: 1.013986)
11. Thủ tục cấp Giấy phép gia công hàng hóa đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép (mã TTHC: 2.001189)
12. Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép gia công hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép (mã TTHC: 1.002853)
13. Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép sản xuất, gia công quân phục cho lực lượng vũ trang nước ngoài (mã TTHC: 1.002808)
14. Thủ tục cấp Giấy phép cho thương nhân được ký hợp đồng đại lý mua, bán hàng hóa xuất khẩu theo giấy phép (mã TTHC: 1.013779)

***b)* *Đánh giá sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính***

*(i) Đối với các TTHC ban hành mới*

Thực tế, tại dự thảo Nghị định ***không phát sinh bất cứ một quy trình cấp phép mới nào***. Thực tế, số lượng TTHC mới ban hành là do việc tách, nhập các TTHC cũ, dẫn đến cần bãi bỏ các TTHC cũ, ban hành TTHC mới; hoặc ban hành bổ sung quy định về trình tự, thủ tục, hồ sơ để đảm bảo minh bạch và thuận tiện cho quá trình xin cấp phép của doanh nghiệp, cụ thể như sau:

- Đối với 01 TTHC thu hồi Mã số kinh doanh tạm nhập tái xuất trên cơ sở đề nghị của doanh nghiệp

Nghị định số 69 có quy định trường hợp thu hồi Mã số trên cơ sở đề nghị của doanh nghiệp. Tuy nhiên, chưa có quy định về quy trình cụ thể đối với trường hợp này, cũng như thời gian giải quyết, xử lý hồ sơ của cơ quan cấp phép. Việc bổ sung các quy định này là cần thiết.

- Đối với 10 TTHC sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy phép

Tại Nghị định 69 đang quy định 1 quy trình chung đối với hồ sơ, thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại các loại Giấy phép. Trên thực tế, hồ sơ đối với 2 loại thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung và cấp lại là khác nhau, hồ sơ cấp sửa đổi, bổ sung sẽ chỉ yêu cầu các giấy tờ có liên quan đến sửa đổi, bổ sung, không yêu cầu toàn bộ giấy tờ như cấp lại. Do vậy, tại Dự thảo Nghị định đã tách hai TTHC này. Dẫn đến ban hành mới 10 TTHC về việc cấp sửa đổi, bổ sung và cấp loại 5 loại Giấy phép; đồng thời, bãi bỏ 5 TTHC cấp sửa đổi/bổ sung/cấp lại 5 loại Giấy phép này.

- Đối với 02 TTHC ban hành mới do tích hợp các TTHC cũ

+ Tại Nghị định 69 có quy định 03 TTHC cấp mã số kinh doanh tạm nhập tái xuất đối với 3 nhóm hàng khác nhau, do các điều kiện quy định để được cấp phép cho 03 nhóm hàng này là khác nhau. Tuy nhiên, tại dự thảo mới, nhằm mục đích cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, đã cắt giảm điều kiện về kho bãi đối với hàng thực phẩm đông lạnh kinh doanh tạm nhập tái xuất. Do vậy, hồ sơ, quy trình, thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập tái xuất đối với 03 nhóm hàng tại dự thảo Nghị định là giống nhau. Theo đó, dự thảo Nghị định ban hành 01 TTHC mới chung cho cả 03 nhóm hàng đồng thời bãi bỏ 03 TTHC cấp Mã số theo quy định tại Nghị định 69.

+ Tương tự như vậy, đối với TTHC cấp Giấy phép gia công hàng hóa, để thực hiện chủ trương phân cấp, phân quyền, tại dự thảo Nghị định đã quy định cơ quan cấp phép gia công đối với trường hợp hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu là các Bộ, cơ quan ngang Bộ (trước đây là Thủ tướng Chính phủ). Theo đó, hồ sơ, quy trình, thủ tục của các TTHC này và TTHC cấp phép gia công đối với hàng hóa quản lý theo giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu (do Bộ Công Thương thực hiện) là như nhau. Do vậy, dự thảo nghị định mới ban hành 01 TTHC mới chung cho việc cấp phép gia công hàng hóa và bãi bỏ các TTHC đã ban hành theo Nghị định 69.

*(ii) Đối với các TTHC sửa đổi, bổ sung*

- Việc sửa đổi, bổ sung các TTHC là do có sự thay đổi về căn cứ thực hiện (về cơ bản chuyển từ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP sang Nghị định mới).

- Các TTHC sửa đổi, bổ sung đảm bảo đã được rà soát, không quy định thêm các hồ sơ, trình tự so với các TTHC đã ban hành. Ngược lại, các TTHC còn được quy định theo hướng thuận lợi hơn (như giảm thành phần hồ sơ, giảm số ngày thực hiện TTHC, quy định mẫu đơn đề nghị nhằm đảm bảo thống nhất thực hiện và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp). Tính toán chi phí tuân thủ TTHC, các TTHC sửa đổi bổ sung đều có chi phí tuân thủ thấp hơn so với chi phí tuân thủ hiện hành.

*(iii) Đối với các TTHC bãi bỏ*

 Số lượng TTHC được thống kê bãi bỏ so với TTHC hiện hành là 14 TTHC. Trong đó, ngoài 11 TTHC bãi bỏ để ban hành mới các TTHC trên cơ sở tách, nhập (như đã báo cáo tại mục (i)), có 03 TTHC được bãi bỏ hoàn toàn gồm thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu các mặt hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh (nhưng không phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh); Thủ tục cấp Giấy phép cho thương nhân được ký hợp đồng đại lý mua, bán hàng hóa xuất khẩu theo giấy phép; Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu.

*(Kèm theo Biểu mẫu đánh giá tác động thủ tục hành chính, Biểu mẫu tính chi phí tuân thủ thủ tục hành chính theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tư pháp).*

**2. Việc phân quyền, phân cấp**

***a) Sự cần thiết của việc phân quyền, phân cấp***

Chính phủ ban hành Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý Nhà nước. Đồng thời Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 608/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2025 về Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về đẩy mạnh phân quyền, phân cấp theo quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Theo đó, giao trách nhiệm Bộ ngành rà soát, sửa đổi văn bản quy phạm pháp luật theo hướng tăng cường phân cấp, phân quyền, tránh đẩy trách nhiệm lên Thủ tướng Chính phủ (Thủ tướng Chính phủ lãnh đạo công tác của Chính phủ, không quyết định các vấn đề cụ thể thuộc trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với tư cách thành viên Chính phủ đối với ngành, lĩnh vực được phân công quản lý). Đồng thời, cụ thể hóa nguyên tắc chính quyền địa phương chủ động quyết định, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền.

Ngày 12/6/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 146/2025/NĐ-CP quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại, theo đó, phân quyền, phân cấp nhiều nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ; nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Bộ, cơ quan ngang Bộ cho các địa phương.

***b) Nội dung và thẩm quyền phân cấp***

(i) Dự thảo Nghị định cụ thể hóa các phương án phân cấp đã quy định cụ thể tại Nghị định số 146/2025/NĐ-CP. Việc phân cấp này phù hợp với các nguyên tắc quy định về phân định thẩm quyền, phân quyền, phân cấp của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, pháp luật chuyên ngành về thương mại, quản lý ngoại thương, cụ thể bao gồm:

 - Phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ tại Luật Quản lý ngoại thương năm 2017, Luật Thương mại năm 2005, Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương cho Bộ trưởng Bộ Công Thương và các Bộ trưởng các Bộ quản lý chuyên ngành:

Trong đó, các nhóm nội dung đề xuất phân quyền, phân cấp gồm: Phân quyền, phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ trong việc xem xét, cho phép thực hiện các hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, gia công, tham dự triển lãm đối với hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu cho các Bộ có thẩm quyền quản lý thực hiện.

Trên thực tế, đây là các thủ tục xem xét chấp thuận đối với các trường hợp ngoại lệ, trong đó, hàng hóa thuộc diện xin phép thuộc phạm vi quản lý cụ thể của các Bộ, cơ quan ngang Bộ theo phân công. Theo đó, đây là các vấn đề cụ thể thuộc trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ với tư cách thành viên Chính phủ đối với ngành, lĩnh vực được phân công quản lý. Vì vậy, Bộ Công Thương đề xuất phân quyền cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ căn cứ lĩnh vực mặt hàng phụ trách để chủ trì xem xét, xử lý.

- Phân cấp một số hoạt động cấp Giấy phép theo lô hàng hiện thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương hoặc các Bộ, cơ quan ngang Bộ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện

Các hoạt động cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất; tạm xuất tái nhập; chuyển khẩu, quá cảnh, cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do, là các hoạt động cấp phép đối với các mặt hàng cụ thể, thực hiện theo từng lô hàng. Bộ Công Thương đề xuất phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện, các Bộ, cơ quan ngang Bộ tập trung xây dựng thể chế, kiểm tra giám sát việc thực hiện. Việc phân cấp này tạo điều kiện tiết giảm chi phí, thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho thương nhân do có thể xin cấp phép ngay tại địa bàn hoạt động. Đồng thời, các địa phương có các Sở, ngành, cơ quan chức năng thuộc các lĩnh vực sẵn có trên địa bàn có khả năng giám sát, kiểm tra trực tiếp các hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của thương nhân tại địa phương.

(ii) Dự thảo Nghị định tiếp tục đề xuất bổ sung việc phân cấp, phân định thẩm quyền các thủ tục hành chính, gồm:

- Đề xuất phân cấp thủ tục cấp Giấy phép gia công hàng hóa đối với các mặt hàng thuộc diện quản lý theo giấy phép từ Bộ Công Thương về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tương tự như đã phân cấp đối với các thủ tục cấp giấy phép quá cảnh, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu tại Nghị định số 146/2025/NĐ-CP.

- Đề xuất chuyển nhiệm vụ cấp Giấy phép gia công quân phục cho lực lượng vũ trang nước ngoài từ Bộ Công Thương về Bộ Quốc phòng, Bộ Công an do các mặt hàng này là hàng hóa thuộc diện cấm do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý. Thẩm quyền cấp phép gia công hàng hóa thuộc diện cấm đã được phân quyền từ Thủ tướng Chính phủ về các Bộ có thẩm quyền quản lý. Do vậy, việc điều chỉnh này đảm bảo đúng quy định về phân định thẩm quyền. Mặt khác, cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính do bớt các bước Bộ Công Thương lấy ý kiến Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trước khi cấp phép.

***c) Điều kiện đảm bảo và kiểm tra, giám sát***

Trên thực tế, đa số các nội dung phân cấp tại dự thảo Nghị định đã được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 146/2025/NĐ-CP (có hiệu lực từ 01/7/2025 và hết hiệu lực ngày 01/3/2027).

Các điều kiện đảm bảo thực hiện phân cấp bao gồm:

- Tuyên truyền, phổ biến Nghị định: xây dựng nội dung thông tin để tuyên truyền, phổ biến các quy định của Nghị định đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Bám sát việc triển khai thực tế của các quy định, giải đáp kịp thời các khó khăn, vướng mắc của địa phương trong việc triển khai thực hiện các quy định của Nghị định.

- Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thi hành Nghị định.

**3. Việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu trong dự thảo văn bản có quy định về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số)**

Nghị định không có quy định liên quan đến ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

**4. Việc bảo đảm bình đẳng giới (nếu có)**

Nghị định không có quy định có ảnh hưởng đến vấn đề bình đẳng giới.

**5. Việc thực hiện chính sách dân tộc (nếu có)**

 Nghị định không có quy định có ảnh hưởng đến chính sách dân tộc.

**BỘ CÔNG THƯƠNG**